

• • • |  
LÜ T DÂN S



# I. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ LUẬT DÂN SỰ

## 1. Khái niệm Luật dân sự

*Luật dân sự là một ngành luật độc lập trong hệ thống pháp luật Việt Nam, bao gồm các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ tài sản mang tính chất hàng hoá - tiền tệ và các quan hệ nhân thân trên cơ sở bình đẳng, độc lập của các chủ thể tham gia vào các quan hệ đó.*



# KHÁI QUÁT CHUNG VỀ LUẬT DÂN SỰ

## 2. Đối tượng điều chỉnh của luật dân sự

Gồm có hai nhóm quan hệ xã hội:

👉 *Quan hệ về tài sản*

👉 *Quan hệ nhân thân*

# KHÁI QUÁT CHUNG VỀ LUẬT DÂN SỰ

👉 **Quan hệ về tài sản**: là quan hệ giữa người với người thông qua một tài sản.

👉 **Quan hệ nhân thân**: là quan hệ liên quan đến các giá trị tinh thần của con người

**Quan hệ nhân thân không liên quan đến tài sản như**: họ tên, danh dự, uy tín, nhân phẩm của cá nhân hay tổ chức... Đây là những quyền nhân thân không thể dịch chuyển

**Quan hệ nhân thân có liên quan đến tài sản như**: quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, phát minh, sáng chế... Đây là các quan hệ nhân thân gắn với lợi ích vật chất,



# KHÁI QUÁT CHUNG VỀ LUẬT DÂN SỰ

## 3. Phương pháp điều chỉnh của ngành luật dân sự

*Phương pháp độc lập*

*Phương pháp bình đẳng*

*Phương pháp tự định đoạt*



## I. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ LUẬT DÂN SỰ

- *Bộ luật này đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005. có hiệu lực từ ngày 01/01/2006.*
- *Bộ luật gồm 36 chương, 775 điều.*



## II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2005

### 1. Chế định về quyền sở hữu

Quyền sở hữu là chế định giữ vị trí trung tâm của Luật dân sự, là tổng hợp các quyền năng của chủ sở hữu đối với tài sản của mình theo quy định của pháp luật.

Quyền sở hữu là một quan hệ pháp luật dân sự, cho nên nó cũng bao gồm ba thành phần:

- 👉 Chủ thể,
- 👉 Khách thể
- 👉 Nội dung.



## II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2005

### 1.1. Chủ thể của quyền sở hữu:

Còn gọi là **chủ sở hữu**, bao gồm: cá nhân, pháp nhân, các chủ thể khác (hộ gia đình, tổ hợp tác...) có đủ ba quyền năng pháp lý là quyền chiếm hữu, quyền sử dụng và quyền định đoạt tài sản.





## II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2005

*1.2. Khách thể của quyền sở hữu:* là tài sản, bao gồm:

1. Vật có thực
2. Tiền: các loại tiền tệ của các quốc gia đưa vào lưu thông trong xã hội.
3. Giấy tờ trị giá được bằng tiền: ngân phiếu, trái phiếu, cổ phiếu, thương phiếu...
4. Các quyền tài sản: quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, quyền đòi nợ...



## II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2005

### 1.3. Nội dung của quyền sở hữu: (chương XII)

Nội dung của quyền sở hữu là tổng hợp các quyền năng của chủ sở hữu đối với tài sản thuộc quyền sở hữu của mình, bao gồm:

1. Quyền chiếm hữu,
2. Quyền sử dụng
3. Quyền định đoạt tài sản.



## II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2005

### *Quyền chiếm hữu:*

Là quyền của chủ sở hữu tự mình nắm giữ, quản lý, kiểm soát, chi phối tài sản theo ý chí của mình

Quyền chiếm hữu được chia thành hai loại:

- 👉 Chiếm hữu hợp pháp
- 👉 Chiếm hữu bất hợp pháp.

## II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2005

👉 **Chiếm hữu hợp pháp:** là chiếm hữu có căn cứ pháp luật

1. Chủ sở hữu chiếm hữu tài sản;
2. Người được chủ sở hữu uỷ quyền quản lý tài sản;
3. Người được chuyển giao quyền chiếm hữu thông qua giao dịch dân sự phù hợp với quy định của pháp luật;
4. Người phát hiện và giữ tài sản vô chủ, tài sản không xác định được ai là chủ sở hữu, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, bị chôn giấu, bị chìm đắm phù hợp với các điều kiện do pháp luật quy định;
5. Người phát hiện và giữ gia súc, gia cầm, vật nuôi dưới nước bị thất lạc phù hợp với các điều kiện do pháp luật quy định;
6. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

## II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2005

**Chiếm hữu bất hợp pháp** là chiếm hữu không có căn cứ pháp luật. Chiếm hữu bất hợp pháp được chia thành hai loại:

☞ **Chiếm hữu bất hợp pháp ngay tình**: là trường hợp người chiếm hữu không biết và không thể biết việc chiếm hữu tài sản đó là không có căn cứ pháp luật, thì gọi là chiếm hữu bất hợp pháp ngay tình.

☞ **Chiếm hữu bất hợp pháp không ngay tình**: là trường hợp người chiếm hữu đã biết và có thể biết mình chiếm hữu tài sản đó là không có căn cứ pháp luật, hoặc chiếm hữu tài sản từ một người không phải là chủ sở hữu đối với tài sản ấy

## II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2005

### *Quyền sử dụng:*

Là quyền khai thác công dụng, khai thác những lợi ích vật chất của tài sản trong phạm vi pháp luật cho phép (không làm ảnh hưởng đến cá nhân, tổ chức khác...).

- **Hoa lợi** là những sản vật tự nhiên có tính chất hữu cơ do tài sản mang lại cho chủ sở hữu như: hưởng trứng do gia cầm đẻ ra, hoa quả trên cây, gia súc nhỏ do mẹ chúng sinh ra...
- **Lợi tức** được coi là một khoản lợi mà chủ sở hữu thu được từ việc khai thác công dụng của tài sản như: khoản tiền thu được từ việc cho thuê nhà, tiền lãi thu được từ việc cho vay tài sản, mua trái phiếu, cổ phiếu...



## II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2005

### *Quyền định đoạt:*

Là quyền năng của chủ sở hữu để quyết định số phận của tài sản. Chủ sở hữu thực hiện quyền định đoạt biểu hiện ở hai góc độ:

- + Định đoạt về số phận thực tế của vật như: tiêu dùng hết, hủy bỏ, từ bỏ quyền sở hữu đối với vật...
- + Định đoạt về số phận pháp lý của vật là việc chuyển giao quyền sở hữu đối với vật từ người này sang người khác



## II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2005

Việc một người thực hiện quyền định đoạt đối với vật sẽ làm chấm dứt hoặc thay đổi các quan hệ pháp luật liên quan đến tài sản đó.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho chủ sở hữu khi định đoạt tài sản, Bộ luật dân sự đã quy định *chủ sở hữu có thể ủy quyền cho người khác định đoạt tài sản*, người được ủy quyền phải thực hiện việc định đoạt theo cách thức phù hợp với ý chí và lợi ích của chủ sở hữu và phù hợp với pháp luật.





## II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2005

Trong ba quyền năng nêu trên, mỗi quyền năng có một ý nghĩa nhất định như:

*Quyền chiếm hữu* là tiền đề quan trọng cho hai quyền kia;

*Quyền sử dụng* mang ý nghĩa thực tiễn, ý nghĩa kinh tế, tạo cho chủ sở hữu khai thác lợi ích, công dụng của tài sản;  
*Quyền định đoạt* lại có ý nghĩa pháp lý quan trọng đối với chủ sở hữu tài sản.



## II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2005

### 2. Hợp đồng dân sự

#### 2.1. Khái niệm:

*Hợp đồng dân sự là sự thỏa thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, tiêu dùng hoặc sản xuất kinh doanh.*

## II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2005

👉 Nguyên tắc giao kết hợp đồng dân sự:

Hoàn toàn tự nguyện, bình đẳng, trung thực, thiện chí, không bên nào được ép buộc bên nào trong việc ký kết và thực hiện hợp đồng.

Được tự do giao kết hợp đồng nhưng không trái pháp luật và đạo đức xã hội.

## II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2005

### 2.2. Chủ thể của hợp đồng dân sự:

**CÁ NHÂN**

**PHÁP NHÂN**

**HỘ GIA ĐÌNH**

**HỢP TÁC XÃ**



## II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2005

### ○ CÁ NHÂN

Cá nhân từ 18 tuổi trở lên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự được phép tham gia tất cả các hợp đồng dân sự và tự chịu trách nhiệm về việc thực hiện hợp đồng đó.

Cá nhân từ đủ 15 đến 18 tuổi được ký kết một số hợp đồng nếu mình có tài sản để thực hiện hợp đồng đó, nhưng phải được sự đồng ý của người giám hộ của họ



## II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2005

- **PHÁP NHÂN** ( Điều 84)

Một tổ chức được công nhận là pháp nhân khi có đủ các điều kiện sau đây:

1. Được thành lập hợp pháp;
2. Có cơ cấu tổ chức chặt chẽ;
3. Có tài sản độc lập với cá nhân, tổ chức khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản đó;
4. Nhân danh mình tham gia các quan hệ pháp luật một cách độc lập.



## II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2005

### ○ HỘ GIA ĐÌNH

Hộ gia đình mà các thành viên có tài sản chung, cùng đóng góp công sức để hoạt động kinh tế chung trong sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp hoặc một số lĩnh vực sản xuất, kinh doanh khác do pháp luật quy định là chủ thể khi tham gia quan hệ dân sự thuộc các lĩnh vực này.



## II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2005

- **HỢP TÁC XÃ**

Tổ hợp tác được hình thành trên cơ sở hợp đồng hợp tác có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn của từ ba cá nhân trở lên, cùng đóng góp tài sản, công sức để thực hiện những công việc nhất định, cùng hưởng lợi và cùng chịu trách nhiệm là chủ thể trong các quan hệ dân sự.

Đại diện của tổ hợp tác trong các giao dịch dân sự là tổ trưởng do các tổ viên cử ra.





## II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2005

### 2.3 Hình thức giao dịch dân sự

1. Giao dịch dân sự được thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc bằng hành vi cụ thể.

Giao dịch dân sự thông qua phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu được coi là giao dịch bằng văn bản.

2. Trong trường hợp pháp luật quy định giao dịch dân sự phải được thể hiện bằng văn bản, phải có công chứng hoặc chứng thực, phải đăng ký hoặc xin phép thì phải tuân theo các quy định đó.



## II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2005

### *2.4. Nội dung của hợp đồng dân sự:*

Là tổng hợp các điều khoản trong hợp đồng, các điều khoản đó được chia làm 3 loại:

1. Điều khoản cơ bản.
2. Điều khoản thông thường.
3. Điều khoản tùy nghi.



## II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2005

### ***2.5. Các loại hợp đồng dân sự thông dụng:***

Hợp đồng mua bán tài sản; Hợp đồng mua bán nhà ở; Hợp đồng trao đổi tài sản; Hợp đồng tặng cho tài sản; Hợp đồng vay tài sản; Hợp đồng thuê tài sản, nhà ở; Hợp đồng thuê khoán tài sản; Hợp đồng cho mượn tài sản; Hợp đồng dịch vụ; Hợp đồng vận chuyển tài sản, hành khách; Hợp đồng gia công



## II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2005

### *2.6. Trách nhiệm dân sự do vi phạm hợp đồng*

Là trách nhiệm của bên vi phạm hợp đồng đối với chủ thể bên kia. Bên vi phạm phải tiếp tục thực hiện hợp đồng hoặc phải bồi thường thiệt hại do hành vi không chấp hành hợp đồng mà gây thiệt hại cho bên kia.



## II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2005

### 3. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng

Điều 604, Bộ luật Dân sự 2005 quy định: “*Người nào do có lỗi cố ý hoặc lỗi vô ý xâm hại tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, quyền, lợi ích hợp pháp khác của cá nhân, xâm phạm danh dự, uy tín, tài sản của pháp nhân hoặc chủ thể khác mà gây thiệt hại thì phải bồi thường*”.

## II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2005

### Căn cứ phát sinh trách nhiệm dân sự ngoài hợp đồng

1. Có thiệt hại thực tế xảy ra:
2. Hành vi gây ra thiệt hại phải là hành vi trái pháp luật
3. Có lỗi của người thực hiện hành vi trái pháp luật
4. Phải có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi trái pháp luật và thiệt hại xảy ra



## II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2005

### 4. Chế định về quyền thừa kế

#### 4.1. *Khái niệm quyền thừa kế*

Quyền thừa kế là một chế định pháp luật dân sự, bao gồm các quy phạm pháp luật điều chỉnh việc chuyển dịch tài sản của người chết cho người khác theo di chúc hoặc theo trình tự do pháp luật quy định.

## II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2005

### 4.2. Các hình thức thừa kế.

**THỪA KẾ THEO  
DI CHỨC**

**THỪA KẾ THEO  
PHÁP LUẬT**





## II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2005

### THỪA KẾ THEO DI CHỨC

Là việc chuyển dịch di sản thừa kế của người đã chết cho những người khác theo ý chí của người đó khi còn sống thể hiện trong di chúc.

## II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2005

### *Quyền của người lập di chúc*

Người lập di chúc có các quyền sau đây:

1. Chỉ định người thừa kế; truất quyền hưởng di sản của người thừa kế;
2. Phân định phần di sản cho từng người thừa kế;
3. Dành một phần tài sản trong khối di sản để di tặng, thờ cúng;
4. Giao nghĩa vụ cho người thừa kế;
5. Chỉ định người giữ di chúc, người quản lý di sản, người phân chia di sản.



## II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2005

*Di chúc phải được lập thành văn bản; nếu không thể lập được di chúc bằng văn bản thì có thể di chúc miệng.*

Di chúc bằng văn bản bao gồm:

1. Di chúc bằng văn bản không có người làm chứng;
2. Di chúc bằng văn bản có người làm chứng;
3. Di chúc bằng văn bản có công chứng;
4. Di chúc bằng văn bản có chứng thực.



## II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2005

Những người được thừa kế theo di chúc là bất kỳ cá nhân, tổ chức hay nhà nước có tên trong di chúc và họ phải còn sống, còn tồn tại vào thời điểm mở thừa kế. Kể cả trường hợp đã thành thai trước khi người để lại di sản chết và sinh ra còn sống sau thời điểm mở thừa kế (ngoại trừ những người bị truất quyền hưởng di sản thừa kế).



## II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2005

### Di chúc miệng

1. Trong trường hợp tính mạng một người bị cái chết đe dọa do bệnh tật hoặc các nguyên nhân khác mà không thể lập di chúc bằng văn bản thì có thể di chúc miệng.
2. Sau ba tháng, kể từ thời điểm di chúc miệng mà người di chúc còn sống, minh mẫn, sáng suốt thì di chúc miệng mặc nhiên bị huỷ bỏ.



## II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2005

Thời điểm mở thừa kế là thời điểm người có tài sản chết.



## II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2005

Người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc:

Những người sau đây vẫn được hưởng phần di sản bằng **hai phần ba suất** của một người thừa kế theo pháp luật, nếu di sản được phân chia theo pháp luật, trong trường hợp họ không được người lập di chúc cho hưởng di sản hoặc chỉ cho hưởng phần di sản ít hơn hai phần ba xuất đó trừ khi họ từ chối nhận di sản hoặc họ là người không có quyền được hưởng di sản bao gồm: con chưa thành niên, cha, mẹ, vợ, chồng; con đã thành niên nhưng không có khả năng lao động.



## II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2005

### THỪA KẾ THEO PHÁP LUẬT

*Là việc chuyển dịch tài sản của người chết cho những người thừa kế thực hiện theo trình tự mà pháp luật đã quy định.*





## II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2005

1. Thừa kế theo pháp luật được áp dụng trong những trường hợp sau đây:
  - a) Không có di chúc;
  - b) Di chúc không hợp pháp;
  - c) Những người thừa kế theo di chúc đều chết trước hoặc chết cùng thời điểm với người lập di chúc; cơ quan, tổ chức được hưởng thừa kế theo di chúc không còn vào thời điểm mở thừa kế;
  - d) Những người được chỉ định làm người thừa kế theo di chúc mà không có quyền hưởng di sản hoặc từ chối quyền nhận di sản.

## II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2005

### Người thừa kế theo pháp luật

- a) Hàng thừa kế thứ nhất gồm: vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết;
  - b) Hàng thừa kế thứ hai gồm: ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, anh ruột, chị ruột, em ruột của người chết; cháu ruột của người chết mà người chết là ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại;
  - c) Hàng thừa kế thứ ba gồm: cụ nội, cụ ngoại của người chết; bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột của người chết; cháu ruột của người chết mà người chết là bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột, chắt ruột của người chết mà người chết là cụ nội, cụ ngoại.
2. Những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau.
  3. Những người ở hàng thừa kế sau chỉ được hưởng thừa kế, nếu không còn ai ở hàng thừa kế trước do đã chết, không có quyền hưởng di sản, bị truất quyền hưởng di sản hoặc từ chối nhận di sản.



## II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2005

### *Thừa kế thế vị*

Trong trường hợp con của người để lại di sản chết trước hoặc cùng một thời điểm với người để lại di sản thì cháu được hưởng phần di sản mà cha hoặc mẹ của cháu được hưởng nếu còn sống; nếu cháu cũng chết trước hoặc cùng một thời điểm với người để lại di sản thì cháu được hưởng phần di sản mà cha hoặc mẹ của cháu được hưởng nếu còn sống.



## II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2005

*Những người không được quyền hưởng di sản (Điều 643, Bộ luật Dân sự 2005):*

Người bị kết án về hành vi cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe hoặc có hành vi ngược đãi, hành hạ, xâm phạm nghiêm trọng đến danh dự, nhân phẩm người để lại di sản.

Người vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ nuôi dưỡng người để lại di sản.

Người bị kết án về hành vi cố ý xâm phạm tính mạng của người thừa kế khác nhằm hưởng một phần hoặc toàn bộ phần di sản mà người thừa kế đó được quyền hưởng.

Người có hành vi lừa dối, cưỡng ép hoặc ngăn cản người để lại di sản trong việc lập di chúc; giả mạo di chúc, sửa chữa di chúc, hủy di chúc nhằm để hưởng một phần hoặc toàn bộ di sản trái với ý chí của người để lại di sản.

Tuy nhiên, những người đã nêu trên vẫn được hưởng di sản nếu người để lại di sản đã biết hành vi của người đó, nhưng vẫn cho họ hưởng di sản theo di chúc.



# B. LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ

## GIÁO TRÌNH



## B. LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ



## B. LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ



## B. LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ









